

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2021

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lý Xuyên

2. Ông Cao Nho Trí

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa*** tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2020, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Cam Phúc Bắc, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90/2012, quyền số 01/2012, cấp ngày 18/10/2012. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, dù được hai bên gia đình, bạn bè T sự, giúp đỡ tìm cách giải quyết nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được, vợ chồng đã ly thân từ

tháng 10/2019 và hiện nay không còn chung sống với nhau, chị xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn H Hải Yến, sinh ngày 02/12/2012. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt nên không rõ yêu cầu.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 72 BLTTDS, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn H Y, sinh ngày 02/12/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về nợ chung: Không có; Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.2] Chị Lê Thị Thanh T yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thanh H. Yêu cầu của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Cam Phúc Bắc, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90/2012, quyển số 01/2012, cấp ngày 18/10/2012. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay và không còn quan T nhau.

Mặc khác từ khi xảy ra mâu thuẫn giữa chị T và anh H cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xác định tình cảm hiện nay với anh H không còn nữa nên yêu cầu được ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không đến Tòa để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn H Hải Yến, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Nguyễn H H Y còn nhỏ nên cần sự quan T, chăm sóc chu đáo của người mẹ. Hơn nữa cháu Y có nguyện vọng được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của cháu Yến, phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Vì lợi ích của con, chị T và anh H hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Lê Thị Thanh T xác định không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn H Y, sinh ngày 02/12/2012. Anh Nguyễn Thanh H tạm

thời không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Thanh H hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị Thanh T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000957 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Lê Thị Thanh T đã nộp đủ.

Chị Lê Thị Thanh T, anh Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường B
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy